

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2025/HSST

Ngày 04 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 97/2025/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trần Thị H, sinh ngày 14/7/1993; Nơi ĐKKHKT: tổ 11, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là tổ 11, phường T1, tỉnh H1). Chỗ ở hiện tại: số nhà 60/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là số nhà 60/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường T1, tỉnh H1); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T2 (đã chết) và bà Bùi Thị N; Sống chung như vợ chồng với bị cáo Trần Quốc T3; Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 79/2011/HSST ngày 06/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2015, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/8/2011; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/4/2025 đến ngày 21/4/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Tại ngoại, có mặt)

2. Trần Quốc T3, sinh ngày 19/8/2005; Nơi ĐKKHKT: thôn T4, xã N1, huyện T5, tỉnh H3 (nay là thôn T4, xã H4, Thành phố H5). Chỗ ở hiện tại: số nhà 60/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là số nhà 60/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường T1, tỉnh H1); Nghề nghiệp: Lao

động tự do; Trình độ học vấn: lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H6 và bà Phạm Thị N2; Sống chung như vợ chồng với bị cáo Trần Thị H; Có 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 49/QĐ-XPHC ngày 20/9/2022 của Công an tỉnh T về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 500.000 đồng, chấp hành xong ngày 29/9/2022. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01C/QĐ-XPHC ngày 17/12/2022 của Công an thành phố T, tỉnh T về hành vi Cố ý gây thương tích, mức phạt 3.000.000 đồng, chấp hành xong ngày 22/5/2023; Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 15/4/2025 đến ngày 21/4/2025 chuyển tạm giam. *(Trích xuất, có mặt)*

3. Nguyễn Văn H7, sinh ngày 10/8/1972; Nơi ĐKKHKT: thôn 5, xã H8, huyện K, tỉnh T (nay là thôn 5, xã H8, tỉnh H1). Chỗ ở hiện tại: số nhà 66/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là số nhà 66/62, ngõ 12, đường H2, tổ 4, phường T1, tỉnh H1); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T6 và bà Phạm Thị N3; Vợ: Hồ Thị H9 và 03 con; Tiền án: Bản án số 54/2022/HSST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2023, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 09/12/2022; Tiền sự: không; Nhân thân: Từ năm 1991 đến 1994 tham gia nghĩa vụ quân sự tại huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2021 của Công an huyện K, tỉnh T về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, mức phạt 1.000.000 đồng, chấp hành xong ngày 04/02/2021; Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 15/4/2025 đến ngày 21/4/2025 chuyển tạm giam. *(Trích xuất, có mặt)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Hoàng Trọng N4, sinh năm 1986; Trú tại: thôn H10, xã N5, huyện V, tỉnh T (nay là thôn H10, phường V1, tỉnh H1). *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/4/2025 tại khu vực phía sau trường dạy lái xe thuộc phường Q, thành phố T, tỉnh T (nay là phường T1, tỉnh H1), tổ công Công an tỉnh Thái Bình (nay là Công an tỉnh Hưng Yên) tuần tra phát hiện Hoàng Trọng N4 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình làm việc, N4 khai nhận vào khoảng 06 giờ 40 phút ngày 15/4/2025 N4 đã gọi điện cho Trần Thị H và đến gặp trực tiếp H tại chỗ ở của H hỏi mua ma túy và được H chỉ dẫn sang chỗ ở của Nguyễn Văn H7, tại đây N4 đã mua được của H7 01 gói ma túy, loại

Heroine với giá 500.000 đồng và vừa sử dụng hết số ma túy mua của H7, chiếc điện thoại N4 dùng để gọi mua ma túy của H bị rơi hỏng N4 đã vứt đi. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn H7, Trần Thị H và Trần Quốc T3. H7 đã tự nguyện lấy từ mặt bàn trong phòng ngủ của mình ra giao nộp 14 gói giấy bạc màu trắng gồm 07 gói nhỏ (ký hiệu M1), 07 gói lớn (ký hiệu M2), bên trong các gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng có số seri TX 17857247, H7 khai nhận 14 gói chất bột đều là ma túy, còn tờ tiền là do H7 bán một gói lớn ma túy cho N4 vào sáng ngày 15/04/2025 mà có; H đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, vỏ màu xanh, H khai nhận là chiếc điện thoại mà Hoàng Trọng N4 đã gọi đến để mua ma túy. Tại Cơ quan điều tra, H và T3 đều khai nhận do không có việc làm ổn định nên H và T3 nảy sinh ý định mua ma túy về bán kiếm lời. Sáng ngày 14/4/2025, T3 chở H sang thành phố N6, tỉnh N6 (nay là phường N6, tỉnh N7) gặp và mua được 01 túi ma túy của một người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 3.000.000 đồng. H và T3 thống nhất chia ma túy thành 08 gói lớn và 07 gói nhỏ để bán cho các con nghiện kiếm lời với giá 200.000 đồng/01 gói nhỏ và 500.000 đồng/01 gói lớn, nhưng do sợ bị bắt nên chiều ngày 14/4/2025 H và T3 thuê Nguyễn Văn H7 bán ma túy và trả công cho H7 1.000.000 đồng/ngày với điều kiện H7 phải bán hết số ma túy trên. Sau khi H7 bán được 01 gói ma túy cho Hoàng Trọng N4 với giá 500.000 đồng nhưng chưa kịp đưa tiền cho H và T3 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình bắt giữ. Ngày 15/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị H và chỗ ở của Nguyễn Văn H7 nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 394/KL-KTHS ngày 19/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “*Mẫu vật M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 0,9947 gam (Không phải chín nghìn chín trăm bốn mươi bảy gam). Mẫu vật M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine), có khối lượng 2,0502 gam (Hai phẩy không nghìn năm trăm linh hai gam). Heroin STT: 09 Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ*”.

Bản kết luận giám định số 592/KL-KTHS ngày 10/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: 01 tờ tiền Việt Nam, loại polymer mệnh giá 500.000 đồng có số seri TX 17857247 là tiền thật.

Bản Cáo trạng số 108/CT-VKSTPTB ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực

5 - Hưng Yên) truy tố Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên (trước là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình) giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

- + Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án nhưng được trừ đi 06 ngày tạm giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- + Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Quốc T3 mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- + Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị Nguyễn Văn H7 mức án từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- + Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật giám định ghi số 394/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình.

- + Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, vỏ màu xanh quản lý của Trần Thị H và 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số seri TX 17857247 quản lý của Nguyễn Văn H7.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Bị cáo T3 và bị cáo H7 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình (nay là Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và còn được chứng minh bằng: Biên bản sự việc, biên bản tạm giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Chiều ngày 14/4/2025 Trần Thị H và Trần Quốc T3 đã có hành vi đưa 15 gói ma túy, loại Heroine gồm 08 gói lớn và 07 gói nhỏ cho Nguyễn Văn H7 để H7 bán cho khách với giá 200.000 đồng/01 gói nhỏ và 500.000 đồng/01 gói lớn và trả công cho H7 1.000.000 đồng/ngày với điều kiện trong ngày H7 phải bán hết số ma túy trên. Khoảng 07 giờ ngày 15/4/2025 H đã có hành vi chỉ dẫn cho Hoàng Trọng N4 đến nơi ở của H7 để H7 bán cho N4 01 gói ma túy lấy 500.000 đồng, N4 đã sử dụng hết số ma túy mua của H7. Ngoài ra, Trần Thị H, Nguyễn Văn H7 và Trần Quốc T3 còn có hành vi tàng trữ trái phép tại nơi ở của H7 14 gói ma túy gồm 07 gói lớn và 07 gói nhỏ ma túy, loại Heroine có tổng khối lượng 3,0449 gam mục đích để bán kiếm lời. Các bị cáo đều trên 18 tuổi có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên) truy tố là có căn cứ.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã tiếp tay cho các đối tượng sử dụng và reo rắc tệ nạn ma túy trong xã hội không những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí tuệ, hủy hoại đạo đức nhân cách con người mà còn là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Các bị cáo đều nhận thức rõ việc mua bán chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích lợi nhuận, thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã cố ý thực hiện tội phạm nên cần thiết phải xét xử nghiêm minh, dành cho các bị cáo mức hình phạt thỏa đáng mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước, trong đó bị cáo Trần Thị H và bị cáo Trần Quốc T3 là người trực tiếp đi mua ma túy, bị cáo H chia ma túy thành các gói sau đó đưa cho bị cáo Nguyễn Văn H7 để bán trái phép, vì vậy bị cáo H7 đồng phạm với vai trò giúp sức.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy: Bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H7 là người đã bị kết án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H7 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo Trần Thị H còn đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và chính sách khoan hồng của Nhà nước ta, tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo

sớm trở thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì cùng số 394/KL-KTHS là chất thuộc danh mục Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền Việt Nam, loại polymer mệnh giá 500.000 đồng có số seri TX 17857247 thu giữ của bị cáo H7 là tiền do phạm tội mà có và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell vỏ màu xanh thu giữ của bị cáo H, liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo H và T3 khai mua của một người nữ giới nhưng không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực thành phố N6, tỉnh N6 (nay là phường N6, tỉnh N7) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên) không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/4/2025 đến ngày 21/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T3 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 15/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H7 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 15/4/2025. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định ghi số 394/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 tờ tiền loại polymer mệnh giá 500.000 đồng có số seri TX 17857247 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, vỏ màu xanh.

(Vật chứng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên) quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2025).

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Thị H, Trần Quốc T3 và Nguyễn Văn H7 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/7/2025.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên (PC10; PV06);
- Trại tạm giam số II, Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khánh Linh

